TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-PT
Ngày 13-3-2024
V/v: "Ly hôn và tranh chấp
tài sản chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang.

Các Thẩm phán: Ông Trần Tuấn Vũ.

Ông Hà Chí Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Việt Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2023/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023, về việc: "Ly hôn và tranh chấp tài sản chung".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2023/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Đồng Văn P, sinh năm 1967; địa chỉ: khu phố G, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Minh T - Văn phòng luật sư Trần Minh T - thuộc đoàn luật sư tỉnh T.

Bị đơn: bà Phạm Thị H, sinh năm 1966; địa chỉ: khu phố G, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

- **Người kháng cáo:** bà Phạm Thị H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đồng Văn P trình bày:

Ông và bà H chung sống vào năm 1996, có làm đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G (nay là phường G, thị xã T) ngày 14/8/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung nhà với mẹ ông tại ấp G, xã G, huyện T (nay là khu phố G, phường G, thị

xã T), tỉnh Tây Ninh. Đến năm 2004 thì vợ chồng cất nhà trên đất của cha mẹ cho ông trước khi ông cưới bà H cũng tại khu phố G, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Năm 2011 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông đi đám tang cha vợ cũ, bà H không đồng ý nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã bà H bỏ nhà đi từ tháng 6/2011 đến nay. Sau khi bà H bỏ đi ông có lên gặp mặt nói chuyện hòa giải mấy lần nhưng không được. Gia đình 2 bên cũng có khuyên can nhưng không được.

Về con chung: có 02 con chung tên Đồng Thị Phương T1, sinh ngày 10/01/1997, Đồng Thị Phương T2, sinh ngày 31/3/1999, hiện nay các con đã trưởng thành và có công việc riêng.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng có tạo được 01 số tài sản gồm:

- Năm 2004 xây 01 căn nhà tường cấp 4 chưa tô, ngang khoảng 10m dài hơn 14m trên phần đất do ông được cha mẹ cho trước khi cưới vợ hiện do ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Khoảng năm 2001 mua chiếc xe Dream biển số 70M1-1788, do ông đứng tên giấy đăng ký xe, hiện xe do bà H quản lý sử dụng.

- Năm 2011 mua 01 chiếc xe Wave S110 biển số 70M3-1420, mua lại xe cũ của người khác chưa sang tên chủ quyền, do ông quản lý sử dụng.

- Không nhớ năm nào mua hóa quá 01 chiếc cup cánh én biển số 70LL-6242, xe không đăng ký chủ quyền, ông đang quản lý.

Về nợ chung: Quá trình chung sống có nợ nhưng ông đã bán tài sản trả hết, còn nợ em vợ là ông V số tiền 8.000.000 đồng, nợ ông V không có giấy tờ gì cả. Ngoài ra không còn nợ ai khác.

Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà H. Về con chung: con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung: Ông chỉ đồng ý chia giá trị tài sản căn nhà, chuồng bò và 02 chiếc xe là xe Dream, xe cánh én; còn đất là tài sản riêng của ông nên ông không đồng ý chia theo yêu cầu của bà H.

Về nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền lợi quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, luật sư Trần Minh T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông P và bà H. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung của vợ chồng là căn nhà và công trình phụ gắn liền với nhà, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Ngoài ra, hai bên còn tranh chấp hai phần đất, bà H cho rằng là tài sản chung, ông P cho rằng là tài sản riêng. Căn cứ chứng minh tài sản riêng là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do một mình ông P đứng tên và ông không đồng ý nhập vào khối tài sản chung của vợ chồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất của bà H.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Vợ chồng chung sống tháng 12/1995 chứ không phải năm 1996 như lời trình bày của ông P, có làm đám cưới, có đăng ký kết hôn năm 2002 tại UBND xã G (nay là

UBND phường G), thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Về quá trình chung sống vợ chồng và con chung như lời ông Phương trình b là đúng. Năm 2010 ông P đánh bà nên bà bỏ về nhà mẹ ruột sống, sau đó ông P lên nói chuyện nên bà quay về nhà chung sống lại. Đến năm 2011, ông P lại đánh bà nên tháng 4/2011 bà bỏ nhà đi cho đến nay. Nguyên nhân là do ông P thường xuyên liên lạc với vợ cũ, hai người thường xuyên gặp mặt đi chơi với nhau nên bà không đồng ý, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Sau khi bà bỏ đi, ông P có đến gặp kêu về nhưng bà không đồng ý. Sau đó, ông P đi hỏi vợ cho con trai của vợ cũ nhưng không nói với bà nên cũng xảy ra mâu thuẫn không sống chung được, bà không đồng ý quay về cho đến nay.

Về tài sản chung: Những tài sản mà ông P trình bày là đúng. Ngoài những tài sản trên còn có tài sản sau:

- Năm 2000 vợ chồng dựng 01 nhà nuôi bò nền đất, mái tole, cột xi măng không biết diện tích bao nhiêu.

- 01 tủ cây đựng quần áo.

- 03 phần đất tại khu phố G, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, bà không biết diện tích bao nhiêu thuộc thửa số mấy, tờ bản đồ số mấy. Đất do ông P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất này là do cha mẹ chồng cho trước khi bà và ông P cưới nhau.

- Khi bà đi ông P bán bắp 33.500.000 đồng, bán mì 4.800.000 đồng; đôi trâu 29.000.000 đồng; ông P nói bán hàng cây được 38.000.000 đồng nhưng người cưa cây nói bán được 40.000.000 đồng. Số tiền này ông P giữ.

Bà đồng ý ly hôn với ông P. Về con chung: đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: tại đơn khởi kiện bà yêu cầu chia đôi 03 phần đất gồm: 01 phần đất đang cất nhà ở diện tích khoản 2.900m^2, 01 phần 1.300m^2 đất đồng; 01 phần đất đồng 3.900m^2 đất đồng bà không nhớ 03 thửa đất trên thuộc thửa mấy, tờ bản đồ số mấy, ở G, Gia Lộc T. Nay bà thay đổi yêu cầu khởi kiện lại: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với những tài sản sau: diện tích đất 4.917,6m^2, trong thửa 103, 98 tờ bản đồ 09 (BĐ 2005) tại khu phố G, phường G, thị xã T; 01chiếc xe Dream biển số 70M1-1788 và 01 chiếc xe Wave S110 biển số 70M3-1420.

Bà yêu cầu chia đôi tài sản chung vợ chồng gồm 02 phần đất: diện tích 2.084,8m^2 trong thửa 580, 600, 601, 602, tờ bản đồ 19 (BĐ 2005) tại khu phố G, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; phần đất 1.428,68m^2, trong thửa 902, tờ bản đồ 19 (BĐ 2005) tại khu phố G, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; căn nhà và các tài sản gắn liền với nhà; 01 chiếc xe cánh én và số tiền 149.500.000 đồng do ông P bán trâu, bán bắp, bán mì mà có. Đối với đất bà yêu cầu nhận bằng hiện vật; còn nhà và các tài sản khác yêu cầu nhận bằng giá trị.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án Hôn nhân sơ thẩm số: 88/2023/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh quyết định:

1. Về hôn nhân: Công nhận ông Đồng Văn P và bà Phạm Thị H thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: 02 con chung tên Đồng Thị Phương T1, sinh ngày 10/01/1997 và Đồng Thị Phương T2, sinh ngày 31/3/1999, đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung:

3.1. Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của bà Phạm Thị H đối với ông Đồng Văn P.

Buộc ông Đồng Văn P có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị H số tiền 83.822.000 (tám mươi ba triệu tám trăm hai mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.2. Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà Phạm Thị H đối với diện tích đất 2.084,8m^2 trong thửa 580, 600, 601, 602, tờ bản đồ số 19 (2005); diện tích đất 1.428,68m^2 trong thửa 902, tờ bản đồ số 19 (2005) tọa lạc tại khu phố G, G và số tiền bán T3, M, B, C là 149.500.000đồng.

4. Về nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 29/9/2023 bà H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng chấp nhận yêu cầu chia tài sản đối với phần diện tích đất 2.084,8m^2 trong thửa 580, 600, 601, 602 tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại khu phố G, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bà H và ông P đã thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà H làm trong thời hạn luật định nên chấp nhận xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà H:

[2.1] Bà H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng chấp nhận yêu cầu chia tài sản đối với phần diện tích đất 2.084,8m^2 trong thửa 580, 600, 601, 602 tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại khu phố G, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bà H và ông P đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

- Ông Đồng Văn P và bà Phạm Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: 02 con chung tên Đồng Thị Phương T1, sinh ngày 10/01/1997 và Đồng Thị Phương T2, sinh ngày 31/3/1999, đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà H xác định tài sản chung của vợ chồng là 01 căn nhà tường cấp 4 chưa tô và các tài sản gắn liền với đất theo biên bản định giá có tổng giá trị là 167.643.750 đồng cất trên phần đất 2.084,8m^2 tọa lạc tại khu phố G, phường G cấp cho ông P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do tài sản nằm trên đất của ông P nên bà H thỏa thuận giao các tài sản trên đất cho ông P, ông P giao lại cho bà số tiền 150.000.000 đồng và bà không còn yêu cầu gì đối với việc chia tài sản nữa. Đối với 03 phần đất là tài sản riêng của ông P có trước khi kết hôn nên bà H không yêu cầu chia.

- Về nợ chung: Ông P và bà H không đặt ra giải quyết.

Xét thấy, việc ông P và bà H thỏa thuận là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận và sửa bản án sơ thẩm.

[2.2] Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản số tiền là 7.000.000 đồng, ông P và bà H mỗi người phải chịu ½ chi phí là 3.500.000 đồng. Bà H đã nộp tạm ứng chi phí số tiền trên nên ông P có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà H số tiền 3.500.000 đồng.

[3] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông P và bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 33, Điều 43, Điều 55 và Điều 59 Luật HNGĐ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2023/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Đồng Văn P và bà Phạm Thị H.

2. Về con chung: có 02 con chung tên Đồng Thị Phương T1, sinh ngày 10/01/1997 và Đồng Thị Phương T2, sinh ngày 31/3/1999, đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

3.Về Tài sản chung:

- Ông Đồng Văn P được quyền sở hữu các tài sản gồm: 01 căn nhà cấp 4, nền xi măng, không la phông, tường không tô, mái ngói, diện tích 10,2m x 12,6m, xây dựng năm 2004, sửa chữa năm 2014; 01 chuồng bò nền xi măng, mái lợp tole, cột xi măng, diện tích 5,5m x 6,7m, xây dựng năm 2004, sửa chữa năm 2019; 01 chuồng bò nền xi măng mái lợp tole, cột xi măng, diện tích 7m x 8m, xây dựng năm 2004, sửa chữa năm 2019; 01 sàn xi măng diện tích 4,7m x 5,2m, xây dựng năm 2014; 01 nhà bếp, xây tường không tô, không la phông, nền xi măng, mái ngói, xây dựng năm 2004, sửa chữa năm 2014, diện tích 3,6m x 5,3m; 01 nhà tắm xây tường không tô, không có mái, diện tích 1,6m x 1,8m, xây dựng năm 2006; 01 hồ nước nền xi măng, diện tích 2,6m x 0,7m, cao 0,5m, xây dựng năm 2006; 01 ống cống đựng nước; 01 hàng rào lưới kẽm B40 dài 39m xây dựng năm 2015; 10 bụi chuối (06 cây/1 bụi); 01 cây lồng mức đường kính 130cm; 01 cây lồng mức đường kính 110cm; 01 cây tràm vàng đường kính 110cm; 02 cây dừa có trái; 01 cây cóc 6 năm tuổi; 01 cây đu đủ dưới 01 năm tuổi chưa có trái. tổng giá trị là 167.643.750 đồng.

Ghi nhận việc bà H không yêu cầu chia 03 phần đất ông P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Ông P có nghĩa vụ giao lại cho bà H số tiền là 150.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

5. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: ông P và bà H mỗi người phải chịu chi phí là 3.500.000 đồng. Bà H đã nộp tạm ứng chi phí số tiền trên nên ông P có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà H số tiền 3.500.000 đồng.

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông P phải chịu 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn và phải chịu 882.000 đồng án phí chia tài sản, tổng cộng là 1.032.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0026876 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Ông P còn phải nộp thêm số tiền 732.000 đồng.

- Bà H phải chịu 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn và phải chịu 7.500.000 đồng án phí chia tài sản, tổng cộng là 7.650.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.956.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0027133 ngày 29/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Bà H còn phải nộp thêm số tiền 694.000 đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0027550 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận bà H đã nộp xong.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND. TTN;
- TAND thị xã Trảng Bàng.
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng.
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thị Thùy Trang